

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đủ điều kiện  
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Viện Thổ nhưỡng Nông hóa thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Viện Thổ nhưỡng Nông hóa thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận “Viện Thổ nhưỡng Nông hóa” thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, với mã số **VIMCERTS 234** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Viện Thổ nhưỡng Nông hóa thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật. *lsh*

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Viện Thổ nhưỡng Nông hóa thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *hkh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TNMT Hà Nội (để phối/hợp);
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (7).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Phụ lục**  
**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**  
**Viện Thổ nhưỡng Nông hóa**  
*(Kèm theo Quyết định số 656 /QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2019*  
*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. ĐẤT**

**1.1. Quan trắc hiện trường**

*Lấy và bảo quản mẫu*

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu đất	TCVN 5297:1995, TCVN 7538-2:2005

**1.2. Phân tích môi trường**

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ ẩm	TCVN 6648:2000	0,22%
2	Thành phần cấp hạt	TCVN 8567:2010	0,002 mm
3	pH <sub>H2O, KCl</sub>	TCVN 5979:2007	2 ÷ 12
4	Tổng Nitơ	TCVN 6498:1999	0,03%
5	Tổng Phốt pho	TCVN 8940:2011	0,02%
6	Tổng Kali	TCVN 8660:2010	0,02%
7	Cacbon hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,03%
8	As	TCVN 6649:2006 + TCVN 8467:2010	0,2 mg/kg
9	Cd	TCVN 6649:2006 +TCVN 6496:2009	0,82 mg/kg
10	Pb	TCVN 6649:2006 +TCVN 6496:2009	2,87 mg/kg
11	Zn	TCVN 6649:2006 +TCVN 6496:2009	2,99 mg/kg
12	Cu	TCVN 6649:2006 +TCVN 6496:2009	3,07 mg/kg
13	Tổng crôm (Cr)	TCVN 6649:2006 +TCVN 6496:2009	1,57 mg/kg